

Số: 29/2022/QĐCNHGT-DS

H, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện*: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) bưu điện Liên Việt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D – Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Bích T – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt chi nhánh tỉnh C. *(Theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với giám đốc chi nhánh)*

Địa chỉ: Số 40 Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Bích T: Ông Đàm Văn D – Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt – phòng giao dịch H thuộc chi nhánh tỉnh C. *(Theo quyết định số 517/2022/QĐ-LPB.CP ngày 18/5/2022 của Giám đốc chi nhánh C về việc thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc phòng giao dịch H ông Đàm Văn Dũng)*

Địa chỉ: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh C.

+ *Người bị kiện*:

- Ông Nông Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện H, tỉnh C.

- Bà Long Thị N, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện H, tỉnh C.
Đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Nông Văn H.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

(1) Bên khởi kiện và bên bị kiện cùng xác nhận Ông Nông Văn H và bà Long Thị N vay Ngân hàng TMCP Liên Việt chi nhánh C – Phòng giao dịch H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 16/10/2018 đến ngày 16/10/2019). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thu mua lâm sản, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

(2) Bên khởi kiện và bên bị kiện thỏa thuận thống nhất đến ngày 29/8/2022, ông Nông Văn H và bà Long Thị N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Liên Việt chi nhánh C - Phòng giao dịch H tổng số tiền nợ gốc và lãi từ ngày 16/10/2018 đến ngày 29/7/2022 là 205.250.000đ (Hai trăm linh năm nghìn hai trăm năm mươi đồng), cụ thể:

- Tiền nợ gốc là: 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).
- Tiền nợ lãi là: 65.250.000đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

(3) Trong thời gian 01 tháng từ ngày 29/7/2022 đến ngày 29/8/2022 ông Nông Văn H và bà Long Thị N thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Liên Việt chi nhánh C – Phòng giao dịch H. Trường hợp ông Nông Văn H và bà Long Thị N không thanh toán được trong thời hạn trên thì ông H, bà N nhất trí để Ngân hàng TMCP Liên Việt và Cơ quan thi hành án dân sự xử lý phát mại tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 275, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: C, xã Phù Ngọc (nay là xã N), huyện H, tỉnh C, diện tích sử dụng: 260,0m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, kết cấu: tường chịu lực bằng gạch.
(Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đất số: AK 124111 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2007, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01134).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nông Thanh Lịch

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).
- (3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.